

Số *136* /BC-ĐHHD

Thanh Hóa, ngày *23* tháng 12 năm 2022

**BÁO CÁO**  
**Tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022**

**I. CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2022**

**1. Công khai điều kiện đảm bảo chất lượng và tuyên truyền tuyển sinh**

Nhà trường thực hiện công khai đầy đủ các thông tin về điều kiện đảm bảo chất lượng (*cơ sở vật chất, đội ngũ giảng viên, quy mô đào tạo, tổng chi phí để đào tạo 1 sinh viên/năm, tỷ lệ sinh viên chính quy có việc làm sau 12 tháng tốt nghiệp,...*), thông tin tuyển sinh trên các phương tiện thông tin đại chúng, công thông tin tuyển sinh của Bộ GD&ĐT (đối với tuyển sinh đại học, cao đẳng chính quy) và website của trường:

*Đối với tuyển sinh sau đại học:* Công khai các thông tin về danh mục ngành, học phần bổ sung kiến thức; thông báo tuyển sinh, lịch thi, kết quả thi, danh sách trúng tuyển,....

*Đối với tuyển sinh đại học chính quy:* Công khai Đề án tuyển sinh, Kế hoạch tuyển sinh, lịch trình tuyển sinh; thông tin tuyển sinh, danh mục ngành, tổ hợp môn xét tuyển, phương thức tuyển sinh, điều kiện xét tuyển, hướng dẫn xét tuyển, danh sách đăng ký thi năng khiếu, danh sách trúng tuyển,.....

*Đối với tuyển sinh liên thông (chính quy, vừa làm vừa học):* Công khai Đề án tuyển sinh, các điều kiện thi tuyển, xét tuyển, thông tin tuyển sinh, lịch thi, kết quả thi, danh sách trúng tuyển,....

Nhà trường đã thực hiện tốt công tác tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh; đa dạng hóa nội dung, hình thức tư vấn, các thông tin về tuyển sinh được công bố công khai trên các phương tiện thông tin đại chúng, website của Trường<sup>1</sup>.

**2. Về kết quả tuyển sinh**

**2.1. Tuyển sinh sau đại học**

Công tác tuyển sinh sau đại học được thực hiện đúng quy chế: Từ công tác xây dựng kế hoạch đến thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc, tổ chức thi, chấm thi, triệu tập thí sinh trúng tuyển,... (*Phụ lục 1.a*), trong đó:

a) Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ: Tổ chức xét tuyển nghiên cứu sinh theo đúng Quy chế của Bộ GD&ĐT (*Thông tư số 18/2021/TT-BGDĐT ngày 28/6/2021*);

Kết quả: Tuyển được 7/14 chỉ tiêu (đạt 50%).

<sup>1</sup> Triển khai được 02 chương trình tư vấn trực tuyến với 2 nhóm ngành (*Sư phạm và SP CLC; Khối đào tạo các ngành ngoài sư phạm*); Thuê dịch vụ quảng cáo trực tuyến thông tin tuyển sinh trên mạng Facebook (*chạy dạng tin nhắn, chạy dạng click to website và chạy tương tác*); Xây dựng phim phóng sự trên truyền hình TTV; Mở trang hỏi - đáp về tuyển sinh, thành lập Tổ tư vấn tuyển sinh,... để tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh của Nhà trường; Gửi thông báo tuyển sinh đến tất cả các trường THPT, huyện-thị,...; hỗ trợ kinh phí để các khoa thực hiện hoạt động tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh theo ngành đào tạo.

b) Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ: Thực hiện kết hợp giữa thi và xét tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ theo đúng quy chế (đã tuyển 2 đợt theo Thông tư số 23/2021/TT-BGDĐT ngày 30/8/2021).

Kết quả: Tuyển được 326/378 chỉ tiêu (đạt 86,24%) (*Phụ lục 2.a*).

## **2.2. Tuyển sinh đại học hệ chính quy**

Nhà trường đã xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2022, thành lập Hội đồng tuyển sinh, các ban giúp việc, tổ chức thi năng khiếu, tiếp nhận đăng ký xét tuyển, thực hiện xét tuyển, gọi và tổ chức nhập học,..., được thực hiện đúng quy định (*Phụ lục 1.b*); đã thực hiện tuyển sinh theo 6 phương thức (Sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022; sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2020 hoặc 2021; Sử dụng kết quả học tập ở THPT; Tuyển thẳng theo quy định của Bộ GD&ĐT; xét tuyển thẳng học sinh đạt giải học sinh giỏi cấp tỉnh; Xét tuyển học sinh có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế; Sử dụng kết quả thi đánh giá năng lực hoặc đánh giá tư duy do các đại học hoặc trường đại học tổ chức thi năm 2022). Việc tuyển sinh được thực hiện nghiêm túc, an toàn và đúng Quy chế của Bộ Giáo dục và Đào tạo (*Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022*); Trường đã tham gia Nhóm xét tuyển khu vực Miền Bắc (Nhóm XTMB) để cùng thực hiện công tác xét tuyển đại học hệ chính quy Đợt 1 năm 2022 (theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2022).

Kết quả: Tuyển sinh được 1.884/2.165 chỉ tiêu (đạt 87,02%), trong đó: Nhóm ngành 1 (đào tạo giáo viên): 976/1.160 (đạt 81,14%); nhóm ngành 3 (Kinh tế-QTKD-Luật): 504/490 (đạt 102,86%); nhóm ngành 5 (NLNN-KTCN-CNTT): 165/260 (đạt 63,46%) và nhóm ngành 7 (khoa học xã hội nhân văn-hành vi): 239/255 (đạt 93,73%) (*Phụ lục 2.b*).

## **2.3. Tuyển sinh đại học liên thông (chính quy, vừa làm vừa học)**

Nhà trường đã tổ chức tuyển sinh 3 đợt theo phương thức xét tuyển theo đúng Quy chế (*Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06/6/2022*). Các khâu từ xây dựng và công bố Đề án tuyển sinh, kế hoạch, thông báo tuyển sinh, thành lập Hội đồng tuyển sinh và các ban giúp việc, xét tuyển, nhập học, kiểm tra hồ sơ thí sinh..., được thực hiện theo đúng quy định, đảm bảo nghiêm túc, công khai, đúng quy chế, kết quả:

- Liên thông chính quy: Tuyển sinh được 310/467 chỉ tiêu (đạt 66,38%). Trong đó: Nhóm ngành 1 (đào tạo giáo viên): 121/223 chỉ tiêu (đạt 54,26%), nhóm ngành 3 (Kinh tế-QTKD-Luật): 87/112 (đạt 77,67%); nhóm ngành 5 (NLNN-KTCN-CNTT): 80/62 (đạt 129,03%); nhóm ngành 7 (khoa học xã hội nhân văn-hành vi): 22/70 (đạt 31,42%). (*Chi tiết tại Phụ lục 2.c*).

- Liên thông vừa làm vừa học, vừa làm vừa học

+ Tuyển sinh đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/6/2020 được 416/477 chỉ tiêu (đạt 87,21%).

+ Tuyển sinh liên thông, vừa làm vừa học: Được 628/983 chỉ tiêu (đạt 63,88%) Trong đó: Nhóm ngành 1 (đào tạo giáo viên): 486/584 chỉ tiêu (đạt 83,21%), nhóm ngành 3 (Kinh tế-QTKD-Luật): 93/168 (đạt 55,35%); nhóm ngành 5

(NLNN-KTCN-CNTT): 0/126 (đạt 0%); nhóm ngành 7 (khoa học xã hội nhân văn-hành vi): 49/105 (đạt 46,66%) (*chi tiết tại phụ lục 2c*).

Trong năm 2022, Nhà trường thực hiện liên kết đào tạo với 03 cơ sở giáo dục, gồm: Trường CĐSP Hải Dương (21 SV GDTC và 16 SV SP Ngữ văn), Trường CĐ Vĩnh phúc (58 SV GDMN, 47 SV GDTH) và Trường Trung cấp Công nghệ và Du lịch Hà Nội (67 SV SP Toán, 65 SV GDTH, 71 SV SP Tiếng Anh).

#### **2.4. Thông báo kết quả, triệu tập thí sinh trúng tuyển và tổ chức nhập học**

Hội đồng tuyển sinh (HĐTS) đã thành lập các ban giúp việc, gắn với từng ban là đơn vị chức năng làm thường trực và phối hợp hoàn thành tốt các nội dung.

Bộ phận công nghệ thông tin tuyển sinh của trường thực hiện nghiêm túc việc nhập và truyền dữ liệu kết quả tuyển sinh theo quy định của Bộ GD&ĐT. Thực hiện công tác nhập điểm, làm thống kê đúng quy chế, đúng thời gian quy định của Bộ, để Hội đồng tuyển sinh dự kiến chọn phương án xét tuyển.

*Đối với xét tuyển đại học chính quy:* Danh sách đăng ký của thí sinh đã được cập nhật hằng ngày trên website của trường. Căn cứ quy định ngưỡng đảm bảo chất lượng đầu vào, HĐTS họp thống nhất điểm tuyển chính thức, mức điểm đăng ký xét tuyển đợt bổ sung đối với các ngành bậc còn thiếu chỉ tiêu; danh sách thí sinh trúng tuyển được thông báo trên website và gửi các đơn vị trong trường.

*Đối với tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ, tuyển sinh liên thông, văn bằng 2:* HĐTS họp thống nhất điểm tuyển chính thức của từng ngành/chuyên ngành đào tạo và thông báo trên website.

Nhà trường đã thực hiện các khâu trong quy trình tiếp đón thí sinh trúng tuyển nhập học; cán bộ tham gia các khâu được tập huấn nghiệp vụ và xác định rõ trách nhiệm. Việc kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra sức khỏe của thí sinh trúng tuyển nhập học được thực hiện theo quy trình, đảm bảo đúng quy định.

#### **2.5. Kết quả thực hiện chỉ tiêu tuyển sinh**

Năm 2022, Nhà trường đã tuyển sinh được /4484 chỉ tiêu (đạt %) các hình thức, trình độ đào tạo.

TT	Bậc	Chỉ tiêu <sup>2</sup>	Kết quả tuyển sinh		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ so chỉ tiêu %	
<b>I</b>	<b>Sau đại học</b>	<b>392</b>	<b>333</b>	<b>84,95</b>	
1	Nghiên cứu sinh	14	7	50	
2	Cao học	378	326	86,24	
<b>II</b>	<b>Chính quy</b>	<b>2.632</b>	<b>2.194</b>	<b>83,36</b>	
1	Nhóm ngành đào tạo giáo viên	1.160	976	84,14	
2	Nhóm ngành ngoài sư phạm	1.005	908	90,35	
3	Đào tạo liên thông chính quy	467	310	66,38	
<b>III</b>	<b>Vừa làm vừa học</b>	<b>1.460</b>	<b>1.044</b>	<b>71,51</b>	
1	Đào tạo theo NĐ 71	477	416	87,21	

<sup>2</sup> Năm 2022, Nhà trường đã được giao chỉ tiêu: Công văn 4083/UBND-VX ngày 28/3/2022; Công văn số 3232/BGDĐT-GDDH ngày 21/7/2022 và Công văn số 3810/BGDĐT-GDDH ngày 11/8/2022; Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 12/9/2022;

TT	Bậc	Chỉ tiêu <sup>2</sup>	Kết quả tuyển sinh		Ghi chú
			Số lượng	Tỷ lệ so chỉ tiêu %	
2	Liên thông, vừa làm vừa học	983	628	63,89	
	<b>TỔNG CỘNG</b>	<b>4.484</b>	<b>3.571</b>	<b>79,64</b>	

(Chi tiết tại phụ lục 2).

### 3. Đánh giá chung về công tác tuyển sinh năm 2022

#### 3.1. Ưu điểm, nguyên nhân thành công

- Về công tác tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh: Ngoài các hình thức tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh như các năm trước, đã thực hiện được 02 chương trình tư vấn trực tiếp theo nhóm ngành, trong đó đã mời được các doanh nhân, nhà quản lý, nhà tuyển dụng, nhà khoa học, cựu sinh viên, ... tham gia trực tiếp tư vấn, hướng nghiệp; Tiếp tục thực hiện chính sách thu hút, ưu tiên trong tuyển sinh bằng việc miễn 100% học phí học kỳ 1 cho thí sinh đạt 25,5 điểm trở lên và giảm 50% học phí học kỳ 1 năm học 2020-2021 cho thí sinh đạt từ 22,5 điểm đến cận 25,5 điểm<sup>3</sup>; Công tác tuyển sinh của Nhà trường đã có sự đồng hành, vào cuộc của tất cả cán bộ, giảng viên và người lao động trong trường, nhà tuyển dụng, doanh nghiệp, cựu sinh viên và sinh viên trong tất cả các công đoạn của tuyển sinh.

- Về công tác đề thi: Đã ra đề, in sao, quản lý và phân phối đề thi đến phòng thi và từng thí sinh theo đúng quy chế, đúng yêu cầu bảo mật, chất lượng bản in sao đề thi chính xác, rõ ràng đối với các ngành tổ chức thi.

- Về công tác coi thi, chấm thi: Công tác coi thi, chấm thi đúng lịch trình, đúng quy định đảm bảo an toàn, công bằng và đúng quy chế tuyển sinh.

- Về công tác xét tuyển được thực hiện công khai, công bằng, đúng quy chế.

- Về công tác thanh tra, kiểm tra: Mỗi đợt thi, xét tuyển, Hiệu trưởng Nhà trường ra Quyết định thành lập Đoàn thanh tra thi tuyển sinh của kỳ thi giám sát quá trình tổ chức thi, chấm thi từ khâu dồn túi, đánh phách, chấm thi, lên điểm đến gọi thí sinh nhập học, hồ sơ trúng tuyển nhập học.

**Kết quả tuyển sinh năm 2022** của Nhà trường đã thực hiện đúng kế hoạch, đúng quy chế quy định, tuyển sinh đạt 79,14% chỉ tiêu; so với những năm qua, công tác tuyển sinh hệ chính quy đạt kết quả cao thứ 3 so với 5 năm gần đây<sup>4</sup>;

#### 3.2. Tồn tại, hạn chế và nguyên nhân

- Tồn tại, hạn chế:

+ Một số ngành/chuyên ngành không tuyển sinh được hoặc tuyển không đủ chỉ tiêu (04 chuyên ngành thạc sĩ<sup>5</sup> và 03 chuyên ngành tiến sĩ<sup>6</sup>; 03 ngành trình độ đại học<sup>7</sup>);

<sup>3</sup> Tuyển sinh năm 2022 đã thu hút và thực hiện miễn 100% học phí học kỳ 1 cho 22 sinh viên và giảm 50% học phí học kỳ 1 cho 209 sinh viên (so với năm 2021 là 78 và 223); miễn giảm 683.100.000 đ.

<sup>4</sup> Kết quả tuyển sinh: Năm 2018 (ĐHCQ đạt 69,75%; tổng tất cả các hình thức trình độ đào tạo đạt 83,18%); năm 2019 (ĐHCQ đạt 57,23%; tổng tất cả các hình thức trình độ đào tạo đạt 90,32%); năm 2020 (ĐHCQ đạt 94,92%; tổng tất cả các hình thức trình độ đào tạo đạt 100,94%); năm 2021 (ĐHCQ đạt 107,30%; tổng tất cả các hình thức trình độ đào tạo đạt 102,48%); năm 2022 (ĐHCQ đạt 86,01%; tổng tất cả các hình thức trình độ đào tạo đạt 79,14%)

<sup>5</sup> Vật lý lý thuyết và Vật lý toán, Vật lý chất rắn, Thực vật học, Động vật học;

<sup>6</sup> Khoa học cây trồng, Lý luận và Phương pháp dạy học bộ môn Văn - Tiếng Việt, Lịch sử Việt Nam;

<sup>7</sup> Lâm học, Quản lý đất đai, Việt Nam học;

+ Chưa tuyển sinh được đối tượng từ học sinh THPT để đào tạo VL VH.

- Nguyên nhân

+ Nguyên nhân khách quan: Tính cạnh tranh trong tuyển sinh ngày càng khốc liệt (nhiều trường tuyển sinh với số lượng lớn); Một số ngành đào tạo nhu cầu xã hội ít mà có nhiều trường ĐH tuyển sinh,....

+ Nguyên nhân chủ quan: Do chưa đánh giá đầy đủ, đúng với nhu cầu của xã hội và người học nên một số ngành đưa vào nhưng vẫn không tuyển sinh được.

#### **4. Kết luận**

Tuyển sinh năm 2022 cơ bản hoàn thành chỉ tiêu kế hoạch đề ra; công tác tổ chức thi, xét tuyển thực hiện đúng quy chế tuyển sinh; các hoạt động từ thu hồ sơ, tổ chức thi, chấm thi, thông báo xét tuyển, xác định điểm xét tuyển được nhà trường triển khai khoa học, công khai, đảm bảo đúng lịch trình, đúng đối tượng, khách quan, chính xác, công bằng, an toàn đúng quy chế.

## **II. ĐỊNH HƯỚNG CÔNG TÁC TUYỂN SINH NĂM 2023**

Năm 2023, Bộ Giáo dục và Đào tạo tiếp tục duy trì ổn định hình thức thi tốt nghiệp THPT tương tự năm 2022; tăng cường một số giải pháp về mặt kỹ thuật nhằm hỗ trợ tốt hơn cho công tác tuyển sinh của các cơ sở đào tạo và hỗ trợ tốt hơn cho các thí sinh trong quá trình xét tuyển.

### **1. Về công tác tuyên truyền tuyển sinh**

Thành lập Ban chỉ đạo và xây dựng kế hoạch tuyên truyền tuyển sinh năm 2023 để mỗi cán bộ, viên chức, người lao động tiếp tục tham gia thực hiện tuyên truyền tuyển sinh; xây dựng nội dung tuyên truyền và tư vấn cho thí sinh thông qua việc nêu lên những thế mạnh về công tác đào tạo của Nhà trường (*đào tạo giáo viên, khối Kinh tế-QTKD, Kỹ thuật công nghệ, Công nghệ thông tin và truyền thống, Nông lâm ngư nghiệp, ...; vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp của sinh viên*); Lựa chọn và tập huấn cho đội ngũ tham gia công tác tuyên truyền và tư vấn;

Làm tốt công tác tuyên truyền, tư vấn tại các Hội nghị về tư vấn tuyển sinh (Ngày hội tư vấn tuyển sinh; Hội nghị tổng kết và triển khai công tác thi-tuyển sinh do Sở Giáo dục và Đào tạo tổ chức,...); xây dựng nội dung tuyên truyền trên truyền hình phù hợp;

Các khoa chủ động xây dựng kế hoạch phương án tuyên truyền về ngành đào tạo, phương thức tuyển sinh, hỗ trợ thí sinh... phù hợp với lịch trình tuyển sinh 2023.

### **2. Về công tác tuyển sinh đối với từng trình độ, hình thức đào tạo:**

2.1. Đối với tuyển sinh sau đại học: Tổ chức tuyển sinh 05 chuyên ngành trình độ tiến sĩ và 20 chuyên ngành đào tạo trình độ thạc sĩ (tối thiểu 2 đợt/năm).

#### 2.2. Đối với tuyển sinh đại học chính quy:

Xây dựng Đề án tuyển sinh năm 2023 trong đó sử dụng các phương thức xét tuyển (kết quả thi TN THPT, kết quả học tập, kết quả thi đánh giá năng lực do các đại học, trường đại học tổ chức,...), mở rộng đối tượng xét tuyển thẳng;

Về ngành đăng ký tuyển sinh 2023: Trên cơ sở kết quả tuyển sinh năm 2022, thực hiện tuyển sinh những ngành xã hội có nhu cầu và dừng tuyển sinh những ngành ít có nhu cầu; dừng tuyển sinh cao đẳng Giáo dục Maam non và các ngành

đào tạo giáo viên chất lượng cao, có thể chuyển sang đào tạo theo chương trình song ngữ.

2.3. Đối với tuyển sinh liên thông (chính quy, vừa làm vừa học):

- Tổ chức tuyển sinh tối thiểu 02 đợt/năm (theo thông báo cụ thể).

- Đề xuất đề được bổ sung chỉ tiêu tuyển sinh đào tạo liên thông (đáp ứng được nhu cầu đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên mầm non, tiểu học, trung học cơ sở theo Nghị định 71 của Thủ tướng Chính phủ).

2.4. Đối với tuyển sinh VLVH từ học sinh THPT: Có giải pháp để tuyển sinh được các ngành đào tạo theo hình thức VLVH từ học sinh THPT.

2.5. Về tuyển sinh liên kết với nước ngoài và đào tạo LHS Lào:

Tuyên truyền và tư vấn để thí sinh có đầy đủ thông tin về các chương trình liên kết đào tạo với nước ngoài do nhà trường phối hợp thực hiện;

Có kế hoạch để tuyên truyền và tuyển sinh được LHS Lào.

3. Về chỉ tiêu tuyển sinh: Căn cứ năng lực và nhu cầu xã hội, Nhà trường xây dựng chỉ tiêu theo nhóm ngành đào tạo với các hình thức, trình độ theo hướng ổn định chỉ tiêu như năm 2022./

Nơi nhận:

- Bộ GD&ĐT (để báo cáo);
- UBND tỉnh Thanh Hóa (để báo cáo);
- Sở GD&ĐT Thanh Hóa (để báo cáo);
- Các đơn vị trong trường (qua email);
- Lưu: VT, QLĐT, HĐTS.

HIỆU TRƯỞNG



Bùi Văn Dũng

**Phụ lục 1. Văn bản chỉ đạo và công khai thông tin tuyển sinh 2022**

**Phụ lục 1.a. Tuyển sinh sau đại học**

- Văn bản về Kế hoạch, thông báo tuyển sinh:
  - + Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ (Thông báo số 31/TB-ĐHHD ngày 07/3/2022 và Thông báo số 206/TB-ĐHHD ngày 19/9/2022).
  - + Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (Đợt 1: Thông báo số 08/TB-ĐHHD ngày 24/01/2022, Thông báo lịch thi môn tiếng Anh số 63/TB-ĐHHD ngày 14/4/2022; Đợt 2: Thông báo số 188/TB-ĐHHD ngày 26/8/2022, TB lịch thi môn tiếng Anh số 247/TB-ĐHHD ngày 14/11/2022).
- Văn bản về thành lập HĐTS, các ban giúp việc:
  - + Tuyển sinh đào tạo trình độ tiến sĩ (QĐ số 2714/QĐ-ĐHHD ngày 16/11/2022);
  - + Tuyển sinh đào tạo trình độ thạc sĩ (Đợt 1: QĐ số 614/QĐ-ĐHHD ngày 14/4/2022, QĐ số 867/QĐ-ĐHHD ngày 29/4/2022 và đợt 2: QĐ số 2392/QĐ-ĐHHD ngày 19/10/2022, QĐ số 2593/QĐ-ĐHHD ngày 04/11/2022).
- Văn bản về công nhận trúng tuyển và công nhận học viên:
  - + QĐ số 1222/QĐ-ĐHHD ngày 07/6/2022 về công nhận trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1/2022; QĐ số 1221/QĐ-ĐHHD ngày 07/6/2022 về công nhận thí sinh nước CHDCND Lào trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1/2022; QĐ số 1381/QĐ-ĐHHD ngày 24/6/2022 về công nhận trúng tuyển bổ sung đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 1/2022; Quyết định số 1549/QĐ-ĐHHD ngày 11/7/2022 về công nhận học viên cao học đợt 1/2022.
  - + Quyết định số 3034/QĐ-ĐHHD ngày 13/12/2022 về công nhận trúng tuyển đào tạo trình độ thạc sĩ đợt 2/2022.

**Phụ lục 1.b. Tuyển sinh đại học chính quy**

- Công văn triển khai tổng kết công tác tuyển sinh năm 2022 và đề xuất ngành/chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 (Công văn số 305/ĐHHD-QLĐT ngày 26/11/2021);
- Công văn đăng ký chỉ tiêu tiêu sinh năm 2022 (Công văn số 17/ĐHHD-QLĐT ngày 11/01/2022);
- Kế hoạch tư vấn, tuyên truyền tuyển sinh năm 2022 (KH số 20/KH-ĐHHD ngày 09/02/2022 và KH số 95/KH-ĐHHD ngày 18/5/2022);
- Công văn giao chỉ tiêu tuyển sinh năm 2022 (Công văn số 4083/UBND-VX ngày 28/3/2022; Công văn số 3232/BGDĐT-GDĐH ngày 21/7/2022 và Công văn số 3810/BGDĐT-GDĐH ngày 11/8/2022; Quyết định số 3048/QĐ-UBND ngày 12/9/2022);
- Đề án tuyển sinh năm 2022, báo cáo Bộ GD&ĐT tại Công văn số 119/ĐHHD-QLĐT ngày 18/3/2022 và được đăng tải trên website của Bộ GD&ĐT và của Nhà trường;
- Thông báo tuyển sinh đào tạo trình độ đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2022 (Thông báo số 39<sup>b</sup>/TB-ĐHHD ngày 18/3/2022);
- Kế hoạch, lịch trình tuyển sinh năm 2022 (KH số 141/KH-ĐHHD ngày 20/6/2022);
- Quyết định thành lập HĐTS và Ban Thư ký HĐTS (Quyết định số 1233/QĐ-ĐHHD ngày 10/6/2022; QĐ số 1287/QĐ-ĐHHD ngày 16/6/2022);
- Phân công nhiệm vụ và trách nhiệm của các thành viên trong HĐTS (QĐ số 1324/QĐ-ĐHHD ngày 21/6/2022);
- Quy định thi năng khiếu (QĐ số 905/QĐ-ĐHHD ngày 25/5/2021);



- Quyết định thành lập Ban coi thi và Chấm thi năng khiếu năm 2022 (QĐ số 1538/QĐ-ĐHHD ngày 08/7/2022);
- Thông báo điều kiện trúng tuyển vào đại học, cao đẳng hệ chính quy năm 2022 theo các phương thức xét tuyển sớm (Thông báo số 145/TB-ĐHHD ngày 18/7/2022);
- Thông báo mức điểm nhận đăng ký xét tuyển bằng phương thức sử dụng kết quả thi THPT năm 2022 vào các ngành đại học hệ chính quy đợt 1 năm 2022 (Thông báo số 151/TB-ĐHHD ngày 29/7/2022);
- Thông báo điểm trúng tuyển theo phương thức sử dụng kết quả thi tốt nghiệp (đợt 1) vào các ngành đại học năm 2022 (Thông báo số 203/TB-ĐHHD ngày 15/9/2022);
- Thông báo mức điểm trúng tuyển đợt bổ sung đào tạo đại học hệ chính quy năm 2022 vào Trường Đại học Hồng Đức (Thông báo số 223/TB-ĐHHD ngày 11/10/2022);
- Quyết định trúng tuyển (QĐ số 2091/QĐ-ĐHHD ngày 16/9/2022 và QĐ số 2298/QĐ-ĐHHD ngày 11/10/2022);
- Quyết định công nhận sinh viên đào tạo chính quy năm 2022 (QĐ số 2366/QĐ-ĐHHD ngày 18/10/2022).

**Phụ lục 1.c. Tuyển sinh liên thông, vừa làm vừa học**

- Đề án tuyển sinh liên thông, vừa làm vừa học năm 2022 (Quyết định số 183/QĐ-ĐHHD ngày 14/01/2022).
- Thông báo tuyển sinh:
  - + Thông báo tuyển sinh đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 (TB số: 206/TB-ĐHHD ngày 31/12/2021);
  - + Thông báo Tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Đợt 1: TB số 02/TB-ĐHHD ngày 18/01/2022; đợt 2: TB số 180/TB-ĐHHD ngày 17/8/2022);
  - Hội đồng tuyển sinh và các Ban giúp việc HĐTS:
    - + Hội đồng tuyển sinh và Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 (QĐ số 39/QĐ-ĐHHD ngày 07/01/2022 và QĐ số 328/QĐ-ĐHHD ngày 28/02/2022)
    - + Hội đồng tuyển sinh và Ban giúp việc Hội đồng tuyển sinh đào tạo liên thông, vừa làm vừa học trình độ đại học; tuyển sinh đào tạo liên thông trình độ cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Đợt 1: QĐ số 777/QĐ-ĐHHD ngày 21/4/2022 và QĐ số 875/QĐ-ĐHHD ngày 05/5/2022; đợt 2: QĐ số 2406/QĐ-ĐHHD ngày 20/10/2022 và QĐ số 2454/QĐ-ĐHHD ngày 27/10/2022);
    - Quyết định trúng tuyển:
      - + Công nhận trúng tuyển đào tạo nâng trình độ chuẩn giáo viên theo Nghị định số 71/2020/NĐ-CP ngày 30/06/2020 của Chính phủ trên địa bàn tỉnh Thanh Hóa năm 2021 (QĐ số 407/QĐ-ĐHHD ngày 04/03/2022 và QĐ số 743/QĐ-ĐHHD ngày 18/04/2022)
      - + Công nhận trúng tuyển đào tạo LT, VLVH (Đợt 1: QĐ số 900/QĐ-ĐHHD ngày 06/5/2022; QĐ số 901/QĐ-ĐHHD ngày 06/5/2022 và QĐ số 876/QĐ-ĐHHD ngày 06/05/2022; đợt 2: QĐ số 2491/QĐ-ĐHHD ngày 28/10/2022).



ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phụ lục 2.a. Kết quả tuyển sinh sau đại học năm 2022*

TT	Chuyên ngành đào tạo	Nhóm ngành	Chỉ tiêu	Số ĐKDT	Số dự thi	Số TS trúng tuyển		Số TS nhập học
						Thi	Xét	
<b>I</b>	<b>Trình độ tiến sĩ</b>		<b>14</b>	<b>7</b>	<b>7</b>		<b>7</b>	<b>7</b>
1	LL và PPDHBM Văn - TV	1	2	0	0		0	0
2	Quản trị kinh doanh	3	6	6	6		6	6
3	Khoa học cây trồng	5	2	0	0		0	0
4	Văn học Việt Nam	7	2	1	1		1	1
5	Lịch sử Việt Nam	7	2	0	0		0	0
<b>II</b>	<b>Trình độ thạc sĩ</b>		<b>378</b>	<b>358</b>	<b>358</b>		<b>337</b>	<b>326</b>
1	Quản lý giáo dục	1	110	116	116		115	112
2	LL và PPDHBM Văn - TV	1	10	9	9		9	9
3	Quản trị kinh doanh	3	60	103	103		83	79
4	Kế toán	3	50	31	31		31	29
5	Vật lý LT và Vật lý toán	4	5	0	0		0	0
6	Vật lý chất rắn	4	10	0	0		0	0
7	Thực vật học	4	10	0	0		0	0
8	Động vật học	4	5	0	0		0	0
9	Hóa hữu cơ	4	15	3	3		3	3
10	Khoa học cây trồng	5	10	14	14		14	14
11	Toán Giải tích	5	10	9	9		9	7
12	Phương pháp Toán sơ cấp	5	8	13	13		13	13
13	Đại số và Lý thuyết số	5	10	10	10		10	10
14	Khoa học máy tính	5	20	20	20		20	20
15	Kỹ thuật xây dựng	5	10	6	6		6	6
16	Văn học Việt Nam	7	5	5	5		5	5
17	Ngôn ngữ Việt Nam	7	10	4	4		4	4
18	Lịch sử Việt Nam	7	10	5	5		5	5
19	Địa lý học	7	10	10	10		10	10
	<b>Tổng (I+II)</b>		<b>392</b>	<b>365</b>	<b>365</b>		<b>344</b>	<b>333</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**Phụ lục 2.b. Kết quả tuyển sinh đại học chính quy năm 2022**

Tên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo khối ngành	THPT 2022	THPT 2020/2021	HB	Chứng chỉ NN	NL-TD	T. Thăng	ĐB	Lào	Khác	Tổng nhập học	
SP Toán học CLC	20	1160	20									20	
SP Ngữ văn CLC	22		22										22
SP Lịch sử CLC	17		17										17
Giáo dục Mầm non	233		182	8	10								200
Giáo dục Tiểu học	371		192	7	60			6	6	1	1		273
Giáo dục Thể chất	60		48		10								58
Sư phạm Toán học	67		57	1	6	0	2	1					67
Sư phạm Tin học	20		17		1								18
SP Vật lý	15		11		4								15
SP Hóa học	15		9		5				1				15
SP Sinh học	37		14		1								15
SP Ngữ văn	71		51	1	3		1	7	2				65
Sư phạm Lịch sử	11		0		3			5	1				9
Sư phạm Địa lý	34		12		7			2	2				23
Sư phạm Tiếng Anh	151		101	3	31	1		1	2				139
Sư phạm KHTN	20		14		6								20
Quản trị kinh doanh	120	560	87	4	24					8	1	124	
Tài chính - Ngân hàng	50		55		14				2	3			74
Kế toán	220		201	1	30			1	1		1		235
Kiểm toán	40		22	1	6								29
Luật	60		27		13				1	1			42
Công nghệ thông tin	140	420	26		59					4		89	
Kỹ thuật điện	25		5		22					2			29
Kỹ thuật xây dựng	25		1		15								16
Chăn nuôi-Thú y	60 (35)		2		17					1			20
Khoa học cây trồng	35				11								11
Lâm học	30												0
Ngôn ngữ Anh	130	350	105	3	39			1			1	149	

Tên ngành	Chỉ tiêu	Chỉ tiêu theo khối ngành	THPT 2022	THPT 2020/2021	HB	Chứng chỉ NN	NL-TD	T. Thăng	DB	Lào	Khác	Tổng nhập học	
Kinh tế	40		25		13							38	
Tâm lý học	25		18		4							22	
Việt Nam học	20											0	
Du lịch	30		15		6							21	
QLTN&MT	20		4	1	4							9	
Quản lý đất đai	20												0
<b>Tổng</b>				<b>1360</b>	<b>30</b>	<b>424</b>	<b>1</b>	<b>3</b>	<b>24</b>	<b>18</b>	<b>20</b>	<b>4</b>	<b>1884</b>

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH THANH HÓA  
**TRƯỜNG ĐẠI HỌC HỒNG ĐỨC**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

*Phụ lục 2.c. Kết quả tuyển sinh liên thông (NĐ 71, chính quy, vừa làm vừa học) năm 2022*

**1) Tuyển sinh đào tạo theo NĐ 71**

TT	Ngành đào tạo	Chỉ tiêu (QĐ 5243)	Tổng số GV nhập học	Tỷ lệ %	Ghi chú
1.	CDGD Mầm non	90	98	108.89	
2.	ĐHSP Hóa học	10	9	90.00	
3.	ĐHSP Lịch sử	6	6	100.00	
4.	ĐHSP Địa lý	6	2	33.33	
5.	ĐHSP Ngữ văn	45	31	68.89	
6.	ĐHSP Sinh học	10	11	110.00	
7.	ĐHGD Thể chất	40	36	90.00	
8.	ĐHSP Tiếng Anh	10	21	210.00	
9.	ĐHGD Tiểu học	205	146	71.22	
10.	ĐHSP Toán	45	43	95.56	
11.	ĐHSP Vật lý	10	13	130.00	
<b>Tổng cộng</b>		<b>477</b>	<b>416</b>	<b>87.21</b>	

**2) Kết quả tuyển sinh liên thông chính quy**

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổng số SV nhập học	Tỷ lệ %	Ghi chú
	<b>Nhóm ngành I</b>		<b>223</b>	<b>121</b>	<b>54,26</b>	
1.	Sư phạm Toán học	7140209	17			
2.	Sư phạm Vật lý	7140211	3			
3.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	18			
4.	Sư phạm Lịch sử	7140218	5			
5.	Sư phạm Hóa học	7140212	3			
6.	Sư phạm Sinh học	7140213	7			
7.	Sư phạm Địa lý	7140219	7			
8.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	30	9		
9.	Giáo dục Tiểu học	7140202	74	87		
10.	Giáo dục Mầm non	7140201	47	25		
11.	Giáo dục Thể chất	7140206	12			
12.	Sư phạm Tin học	7140210	0			
13.	Sư phạm KH Tự nhiên	7140247	0			
	<b>Nhóm ngành III</b>		<b>112</b>	<b>87</b>	<b>77,67</b>	
14.	Kế toán	7340301	50	33		
15.	Quản trị kinh doanh	7340101	24			
16.	Tài chính-Ngân hàng	7340201	14			

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổng số SV nhập học	Tỷ lệ %	Ghi chú
17.	Kiểm toán	7340302	10			
18.	Luật	7380101	14	54		
	<b>Nhóm ngành V</b>		<b>62</b>	<b>80</b>	<b>129,03</b>	
19.	Công nghệ thông tin	7480201	40	30		
20.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	8	29		
21.	Kỹ thuật điện	7520201	8	21		
22.	Chăn nuôi-Thú y	7620106	0			
23.	Khoa học cây trồng	7620110	0			
24.	Lâm học	7620201	6			
	<b>Nhóm ngành VII</b>		<b>70</b>	<b>22</b>	<b>31,42</b>	
25.	Kinh tế	7310101	10			
26.	Du lịch	7810101	10			
27.	Quản lý TN và MT	7850101	6			
28.	Việt Nam học	7310630	6			
29.	Quản lý đất đai	7850103	6			
30.	Ngôn ngữ Anh	7220201	26	22		
31.	Tâm lý học	7310401	6			
	<b>Tổng cộng</b>		<b>467</b>	<b>310</b>	<b>66,38</b>	

### 3) Kết quả tuyển sinh liên thông, vừa làm vừa học

TT	Ngành đào tạo	Mã ngành	Chỉ tiêu	Tổng số GV nhập học	Tỷ lệ %	Ghi chú
	<b>Nhóm ngành I</b>		<b>584</b>	<b>486</b>	<b>83,21</b>	
1.	Sư phạm Toán học	7140209	44	67		
2.	Sư phạm Vật lý	7140211	8			
3.	Sư phạm Ngữ văn	7140217	46	16		
4.	Sư phạm Lịch sử	7140218	13			
5.	Sư phạm Hóa học	7140212	8	1		
6.	Sư phạm Sinh học	7140213	19	1		
7.	Sư phạm Địa lý	7140219	17	6		
8.	Sư phạm Tiếng Anh	7140231	76	71		
9.	Giáo dục Tiểu học	7140202	186	205		
10.	Giáo dục Mầm non	7140201	117	92		
11.	Giáo dục Thể chất	7140206	30	27		
12.	Sư phạm Tin học	7140210	10			
13.	Sư phạm KH Tự nhiên	7140247	10			
	<b>Nhóm ngành III</b>		<b>168</b>	<b>93</b>	<b>55,35</b>	
14.	Kế toán	7340301	75	39		39
15.	Quản trị kinh doanh	7340101	36			
16.	Tài chính-Ngân hàng	7340201	21			
17.	Kiểm toán	7340302	15			
18.	Luật	7380101	21	54		45
	<b>Nhóm ngành V</b>		<b>126</b>	<b>0</b>	<b>0%</b>	
19.	Công nghệ thông tin	7480201	60			
20.	Kỹ thuật xây dựng	7580201	12			

21.	Kỹ thuật điện	7520201	12			
22.	Chăn nuôi-Thú y	7620106	18			
23.	Khoa học cây trồng	7620110	15			
24.	Lâm học	7620201	9			
	<b>Nhóm ngành VII</b>		<b>105</b>	<b>49</b>	<b>46,66%</b>	
25.	Kinh tế	7310101	15			
26.	Du lịch	7810101	15			
27.	Quản lý TN và MT	7850101	9			
28.	Việt Nam học	7310630	9			
29.	Quản lý đất đai	7850103	9	28		
30.	Ngôn ngữ Anh	7220201	39	21		
31.	Tâm lý học	7310401	9			
	<b>Tổng cộng</b>		<b>983</b>	<b>628</b>	<b>63,88</b>	

